

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**
Bản án số: 25 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2021
V/v tranh chấp về Hôn nhân-gia
đình ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Công Khanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Viết Thanh

2. Ông Trần Văn Hải

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Tuyết Nga, thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - gia đình thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân-gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Thị Ngọc A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 166, tổ 5, ấp Hòa KhA, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn B (tên thường gọi Y), sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 166, tổ 5, ấp Hòa KhA, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị A và anh B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Hồ Thị Ngọc A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn vào năm 2007, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2011, do công việc làm ăn vợ chồng phải sống xa nhau hơn sáu năm. Khoảng năm 2017, vợ chồng sống với nhau nhưng tình cảm đã lạnh nhạt, vì không cùng quan điểm nên cả hai sống riêng từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Chị A chăm lo nuôi dạy con, anh B không có trách nhiệm quan tâm. Chị A nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng

anh B gây khó khăn không đồng ý. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Tại phiên tòa, chị A trình bày, vợ chồng sống chung đến năm 2011 không còn sống chung. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 07/02/2011, con chung đang sống với chị A. Chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

- Anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị A sống chung năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Năm 2011, vợ chồng mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nay anh B đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: có một con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 07/02/2011, anh B thống nhất chị A nuôi cháu K. Anh B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Tại phiên toà các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Hồ Thị Ngọc A có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn B theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, Đồng Tháp.

[3] *Về nội dung*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình về “Đăng ký kết hôn”.

Tại khoản 1 Điều 9 quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2.”.

Xét thấy, chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2007 đến năm 2011, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà vẫn sống chung với nhau như vợ chồng. Từ năm 2011, do bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân đến nay, nay chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Có một con chung tên Hồ Tuấn K, sinh ngày 07/02/2011, cháu K đang sống với chị A. Chị A và anh B thống nhất chị A được tiếp tục nuôi con chung, đồng thời cháu K có nguyện vọng sống với chị A. Do đó, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị A và anh B, chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Tuấn K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu, anh B không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B, chị A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồ Tuấn K, sinh ngày 07/02/2011 (cháu K đang sống với chị A).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu, anh B không tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Hồ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc A phải chịu án phí về Hôn nhân - gia đình 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0007616, ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Công Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải –Nguyễn Viết Thanh

Lê Công Khanh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Công Khanh